

Số: /2021/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

(Dụ thảo)

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây gọi là Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg), bao gồm: nội dung, điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây gọi là các tiêu chí, chỉ tiêu), tài liệu đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu; quy trình, biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**Điều 2. Nội dung, điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu; tài liệu đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu**

1. Nội dung, điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu; tài liệu đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là Phụ lục I).

2. Tổng số điểm các tiêu chí, từng tiêu chí làm căn cứ xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được xác định theo điểm số thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

**Điều 3. Quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai việc tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy trình sau đây:

a) Phân công các công chức chuyên môn cấp xã theo dõi, tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu, đánh giá kết quả theo mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là Phụ lục II); tổ chức lấy ý kiến và tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở theo mẫu 04 Phụ lục II; tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu theo mẫu 09 Phụ lục II; chuẩn bị tài liệu quy định tại Phụ lục I; đề xuất giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu (nếu có);

b) Xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo mẫu 01 Phụ lục II và Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu theo mẫu 02 Phụ lục II; thông tin, số liệu của Báo cáo và Bản tổng hợp được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá;

c) Niêm yết công khai dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ dân phố, cộng đồng dân cư khác (sau đây gọi là thôn, tổ dân phố) để Nhân dân cho ý kiến, đồng thời đăng tải trên Cổng (Trang) thông tin điện tử (nếu có) trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc thông báo trên Đài truyền thanh cấp xã (nếu có) ít nhất ba (03) lần;

d) Tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có) về Báo cáo đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu và các vấn đề khác liên quan đến việc chấm điểm, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đầy đủ, khách quan theo mẫu 03 Phụ lục II;

đ) Tổ chức cuộc họp để xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn. Cuộc họp do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì. Thành phần cuộc họp bao gồm các công chức chuyên môn được phân công làm đầu mối theo dõi thường xuyên từng tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn cấp xã;

e) Căn cứ kết quả cuộc họp, nếu xã, phường, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg bằng bản giấy hoặc bản điện tử đến Phòng Tư pháp cấp huyện trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

Xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gửi Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số và Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn theo mẫu 10 Phụ lục II trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá để Phòng Tư pháp tổng hợp, lập danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá, xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy trình sau đây:

a) Phòng Tư pháp tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn trên địa bàn; yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu có liên quan chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể ngày nhận được yêu cầu;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây gọi là Hội đồng) theo quy định tại Điều 5 Thông tư này; tổ chức cuộc họp Hội đồng hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng để thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn;

c) Căn cứ kết quả thẩm định, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Hồ sơ trình bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

- Bản tổng hợp điểm số các tiêu chí, chỉ tiêu của từng xã, phường, thị trấn do Hội đồng thẩm định theo mẫu 05 Phụ lục II; biên bản cuộc họp Hội đồng theo mẫu 06 Phụ lục II và Báo cáo thẩm định của Hội đồng hoặc Bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng nếu không tổ chức họp Hội đồng.

- Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật kèm theo Danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo các mẫu 07, mẫu 08, mẫu 09 Phụ lục II;

d) Trường hợp phát sinh kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân có liên quan đến tiêu chí, chỉ tiêu và việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo xử lý, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết theo quy định pháp luật;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và công bố kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá. Việc công bố kết quả thực hiện trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của cấp huyện trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

#### **Điều 4. Biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

1. Các biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện:

a) Báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị xem xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 01 Phụ lục II);

b) Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu (Mẫu 02 Phụ lục II);

c) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 03 Phụ lục II);

d) Phiếu lấy ý kiến và bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở (Mẫu 04 Phụ lục II);

2. Các biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

a) Bản tổng hợp điểm số các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định (Mẫu 05 Phụ lục II);

b) Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 06 Phụ lục II);

c) Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 07 Phụ lục II);

d) Danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 08 Phụ lục II);

đ) Danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 09 Phụ lục II).

3. Các biểu mẫu phục vụ báo cáo, theo dõi, quản lý xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

a) Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn (Mẫu 10 Phụ lục II) do Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện;

b) Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 11 Phụ lục II) do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

#### **Điều 5. Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật**

1. Thành phần Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Phòng Tư pháp; mời đại diện Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện làm Phó Chủ tịch Hội đồng;

d) Ủy viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; Công an, Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện;

Mời đại diện Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo cấp huyện tham gia Hội đồng;

đ) Thư ký Hội đồng: Công chức Phòng Tư pháp.

2. Số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phù hợp với điều kiện thực tế nhưng không vượt quá 15 người. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Tư vấn, thẩm định hồ sơ, kết quả chấm điểm các tiêu chí, xét điều kiện đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

b) Tư vấn các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả hoặc xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu;

d) Thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

4. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng:

a) Tư vấn, thẩm định, tham gia ý kiến về kết quả đánh giá và đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lĩnh vực được giao quản lý. Ý kiến của thành viên Hội đồng là ý kiến của cơ quan, tổ chức nơi công tác;

b) Tư vấn các sáng kiến, giải pháp và việc tổ chức thực hiện các sáng kiến, giải pháp đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng. Trong trường hợp không thể tham dự cuộc họp mà có lý do chính đáng thì phải gửi ý kiến bằng văn bản về các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản này để Phòng Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng;

d) Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều phối hoạt động chung và triệu tập, chủ trì cuộc họp Hội đồng. Phó Chủ tịch Hội đồng có nhiệm vụ chủ trì cuộc họp và thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt.

5. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự. Tại cuộc họp, thành viên Hội đồng tư vấn, thẩm định, thảo luận theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thông qua các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng. Trường hợp tỷ lệ các ý kiến thành viên Hội đồng ngang nhau, Chủ tịch Hội đồng là người có ý kiến quyết định. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của người chủ trì cuộc họp Hội đồng và Thư ký Hội đồng. Ý kiến của thành viên Hội

đồng (bao gồm thành viên dự họp và thành viên không dự họp) phải được tổng hợp đầy đủ, khách quan, trung thực trong biên bản cuộc họp.

6. Phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin thông suốt giữa thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

b) Chuẩn bị tài liệu, nội dung cuộc họp Hội đồng và gửi các thành viên Hội đồng chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp;

c) Tiếp thu, hoàn thiện các tài liệu trong hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn;

d) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ các hoạt động tư vấn, thẩm định của Hội đồng theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Đơn vị có chức năng của Bộ Tư pháp được giao tham mưu quản lý nhà nước về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chủ trì, tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này tại địa phương.

4. Khi có kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo về các vấn đề liên quan đến đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp – Hộ tịch kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra, chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Quy định chuyển tiếp**

Việc tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng

dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Website Chính phủ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**BỘ TRƯỞNG**

**Lê Thành Long**





Số: /TTr-PBGDPL

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

(Dụ thảo)

## TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Thông tư hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Kính gửi: Bộ trưởng Lê Thành Long

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg) và Quyết định số 542/QĐ-BTP ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Chương trình xây dựng văn bản, đề án thuộc thẩm quyền ban hành hoặc liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tư pháp năm 2021, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp để quy định chi tiết khoản 6 Điều 3, khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và thay thế Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây gọi là dự thảo Thông tư). Vụ PBGDPL kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư với những nội dung chủ yếu sau đây:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

Ngày 22/7/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Tại khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 của Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung, điểm số và cách tính điểm của các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hướng dẫn quy trình, biểu mẫu, tài liệu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

Trước khi ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được triển khai thực hiện theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội

đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Việc thực hiện Thông tư này trong hơn 04 năm qua đã góp phần hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý triển khai đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên cả nước, giúp chính quyền cấp xã tăng cường trách nhiệm trong quản lý nhà nước, tổ chức thi hành pháp luật và thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Tuy nhiên, một số quy định của Thông tư số 07/2017/TT-BTP đã nảy sinh vướng mắc, không còn phù hợp với thực tế, hướng dẫn về nội dung của các tiêu chí, chỉ tiêu còn định tính, chưa rõ ràng, chưa quy định cụ thể tài liệu phục vụ đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật dẫn đến khó khăn, lúng túng trong tổ chức thực hiện tại địa phương. Đặc biệt các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg và được hướng dẫn tại Thông tư số 07/2017/TT-BTP đến nay đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Trong đó có một số tiêu chí, chỉ tiêu mới như tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về PBGDPL (chỉ tiêu 5 tiêu chí 2); thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý (chỉ tiêu 3 tiêu chí 3); không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chỉ tiêu 3 tiêu chí 5); đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (chỉ tiêu 4 tiêu chí 5).

Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu được sửa đổi cho phù hợp hoặc bị bỏ do không khả thi, trùng lặp, chồng chéo như đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã, các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã; thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải; hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm chế, có giảm so với năm trước. Quy trình đánh giá công nhận, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cũng được sửa đổi, có điểm mới. Với nhiều điểm mới như vậy, việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư 07/2017/TT-BTP là cần thiết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Quyết định số 619/QĐ-TTg hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, do đó Thông tư số 07/2017/TT-BTP hướng dẫn Quyết định số 619/QĐ-TTg cũng đồng thời hết hiệu lực. Trên cơ sở thẩm quyền của Bộ trưởng tại Điều 24 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, nhiệm vụ được giao về hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và chương trình xây dựng văn

bản, đề án năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, việc xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp để quy định chi tiết khoản 3 Điều 6 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, đồng thời thay thế Thông tư số 07/2017/TT-BTP là cần thiết, đảm bảo phù hợp, thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật mới về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

### **1. Mục đích**

- Nhằm quy định, hướng dẫn chi tiết các nội dung được giao tại khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp xã, cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tạo cơ sở pháp lý triển khai nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được đồng bộ, đảm bảo hiệu lực, thực chất.

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

- Bám sát quan điểm, nguyên tắc thực hiện đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các nội dung được giao quy định, hướng dẫn chi tiết trong Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

- Kế thừa những nội dung còn giá trị đã được thực tiễn kiểm nghiệm thời gian qua, đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thực hiện Thông tư số 07/2017/TT-BTP, đảm bảo khả thi, phù hợp, thống nhất, hiệu quả.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

1. Vụ PBGDPL đã tham mưu thành lập Tổ soạn thảo Thông tư gồm đại diện cơ quan, đơn vị chức năng của một số Bộ, ngành và đơn vị liên quan thuộc Bộ Tư pháp (Quyết định số 834/QĐ-BTP ngày 14/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

2. Cùng với quá trình nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện đề trình ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Vụ PBGDPL và Tổ soạn thảo Thông tư đã tổ chức rà soát những vướng mắc, bất cập, đặc biệt là các nội dung liên quan các tiêu chí, chỉ tiêu trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư số 07/2017/TT-BTP và các đề xuất, kiến nghị của địa phương về sửa đổi, hoàn thiện quy định của Thông tư; xây dựng Báo cáo rà soát, đánh giá khó khăn, vướng mắc, bất cập của Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

3. Xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư; tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Tổ soạn thảo, một số đơn vị có liên quan thuộc Bộ và một số chuyên gia; tổ chức một số tọa đàm trực tuyến lấy ý kiến của chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan, đơn vị và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Thông tư.

4. Vụ PBGDPL đã tham mưu Lãnh đạo Bộ tổ chức lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của ... bộ, ngành liên quan ở Trung ương, Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp các

tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, một số Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã (đối tượng chịu sự tác động trực tiếp) và một số đơn vị thuộc Bộ. Đồng thời đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp để lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đến ngày .../10/2021, Vụ PBGDPL đã nhận được ... văn bản góp ý (... Bộ, ngành; ... Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp và ... đơn vị thuộc Bộ).

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Vụ PBGDPL đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư và hồ sơ liên quan.

5. Ngày / /2021, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật đã tổ chức thẩm định dự thảo Thông tư với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị liên quan.

6. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Vụ PBGDPL đã tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư, Tờ trình và hồ sơ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 để trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

### **1. Bố cục của dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư gồm có 08 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1); nội dung, điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và tài liệu đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu (Điều 2); quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 3); biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 4); Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 5); tổ chức thực hiện (Điều 6); quy định chuyển tiếp (Điều 7); hiệu lực thi hành (Điều 8).

### **2. Nội dung cơ bản và điểm mới của dự thảo Thông tư**

#### **2.1. Những nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư**

##### **a) Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Dự thảo Thông tư tập trung quy định, hướng dẫn chi tiết các nội dung được giao tại khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, bao gồm nội dung, điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và tài liệu đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu; quy trình, biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật. Đối tượng áp dụng dự thảo Thông tư là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Về nội dung, điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và tài liệu đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu

Điều 2 và Phụ lục I kèm theo dự thảo Thông tư hướng dẫn nội dung, điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và các tài liệu đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu. Trong đó cách tính điểm được xác định theo định mức tỷ lệ % tương ứng hoặc theo điểm số cụ thể được quy định tại Phụ lục; hướng dẫn cách làm tròn điểm để thực hiện thống nhất. Tại Phụ lục, có 22 nội dung được chấm điểm theo tỷ lệ % và 17 nội dung được chấm điểm theo điểm số; tương ứng với từng nội dung của tiêu chí, chỉ tiêu đã quy định các tài liệu cụ thể làm căn cứ thực hiện chấm điểm, đánh giá nhằm đảm bảo khách quan, thực chất trên cơ sở không làm phát sinh các tài liệu mới.

c) Về quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Điều 3 dự thảo Thông tư hướng dẫn cụ thể quy trình, bao gồm các công việc, nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện để phục vụ việc chấm điểm, đánh giá, đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; các công việc, nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện để phục vụ việc đánh giá, xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc: tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu; tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu; xây dựng, niêm yết Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu; tổ chức cuộc họp để xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các công việc: tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn trên địa bàn; thành lập và vận hành hoạt động của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật để tư vấn, thẩm định đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn; xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; công bố kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Về biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Điều 4 dự thảo Thông tư quy định 11 biểu mẫu (tăng 02 biểu mẫu so với Thông tư số 07/2017/TT-BTP), trong đó 04 biểu mẫu do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, 05 biểu mẫu do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhằm phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và 02 biểu mẫu do Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện nhằm phục vụ việc quản lý, theo dõi, báo cáo. Các biểu mẫu cụ thể được quy định tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư.

đ) Về Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

Điều 5 dự thảo Thông tư quy định cụ thể thành phần, số lượng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng và thành viên Hội đồng; cơ chế hoạt động của Hội đồng; trách nhiệm của Phòng Tư pháp trong việc tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng triển khai nhiệm vụ của Hội đồng. Trong đó Hội đồng có chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tư vấn, thẩm định đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tư vấn các sáng kiến, giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế và thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu... Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng (đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện), Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tư pháp và đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện (tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Dân chủ - Pháp luật, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), các ủy viên là đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; Công an, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo và Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện. Để đảm bảo Hội đồng được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực chất, dự thảo Thông tư quy định số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phù hợp với điều kiện thực tế nhưng không vượt quá 15 người.

#### e) Về tổ chức thực hiện

Điều 6 dự thảo Thông tư quy định trách nhiệm của đơn vị chức năng của Bộ Tư pháp được giao tham mưu quản lý nhà nước về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong việc tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp – Hộ tịch trong tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư tại địa phương.

#### g) Về quy định chuyển tiếp, hiệu lực thi hành

Để phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 8 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Điều 7 dự thảo Thông tư quy định chuyển tiếp về việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thông tư số 07/2017/TT-BTP; Điều 8 quy định Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 và thay thế Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

## **2.2. Những điểm mới của dự thảo Thông tư**

a) Về nội dung, điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và tài liệu đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu (Điều 2, Phụ lục I)

Cách xác định điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu có nội dung xác định theo tỷ lệ % được đổi mới theo hướng điểm số được tính tương ứng với định mức tỷ lệ

% đạt được, thay vì tính theo công thức chung như trước đây, đảm bảo cho việc chấm điểm, đánh giá được thuận tiện và dễ theo dõi, quản lý.

Các nội dung được cụ thể hóa tại Phụ lục I bám sát phạm vi nội dung và nội hàm của các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Đặc biệt, chú trọng tới yêu cầu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, qua đó thực hiện mục tiêu tăng cường trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, thực hiện dân chủ ở cơ sở. Cùng với đó, Phụ lục I đã hướng dẫn cụ thể các tài liệu phục vụ việc chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu; mục đích, ý nghĩa sử dụng các tài liệu này còn nhằm làm căn cứ, cơ sở để kiểm tra, đối chiếu, so sánh giữa kết quả đạt được trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên thực tế với điểm số các tiêu chí, chỉ tiêu do Ủy ban nhân dân cấp xã tự chấm điểm, đánh giá, đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đây là những tài liệu, sản phẩm đầu ra có được trong quá trình công chức, chính quyền cấp xã tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao và công chức được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp các tài liệu này trên cơ sở nguyên tắc không làm phát sinh hồ sơ, tài liệu mới.

b) Về quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 3)

Dự thảo Thông tư quy định điều mới về quy trình đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Quy định này nhằm tạo cơ sở pháp lý để cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai các nhiệm vụ được thống nhất, đồng bộ; nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trong đó quy định cụ thể các công việc, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Về biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 4, Phụ lục II)

Cùng với kế thừa các biểu mẫu hợp lý của Thông tư số 07/2017/TT-BTP, dự thảo Thông tư còn quy định bổ sung mới biểu mẫu 04 về đánh giá hình thức, mô hình thông tin, PBGDPL hiệu quả tại cơ sở nhằm phục vụ việc chấm điểm, đánh giá các chỉ tiêu và mẫu 09, mẫu 10 nhằm phục vụ công tác quản lý, theo dõi, báo cáo việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Về Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 5)

Bổ sung, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cho phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg; bổ sung mới thành phần của Hội đồng có Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và hướng dẫn thành phần Hội đồng đảm bảo gọn nhẹ, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm liên quan.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Vụ PBGDPL kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo Tờ trình các tài liệu sau đây:

1. Dự thảo Thông tư hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II;
2. Bản tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức;
3. Bản chụp các ý kiến góp ý bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức;
4. Báo cáo thẩm định số /BC-VĐCXDPL ngày / /2021 của Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật;
5. Báo cáo số /BC-PBGDPL ngày / /2021 của Vụ PBGDPL tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;
6. Một số tài liệu liên quan khác./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật;
- Các Phó Vụ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TCPL.

**VỤ TRƯỞNG**

**Lê Vệ Quốc**



**Phụ lục I**

**NỘI DUNG, ĐIỂM SỐ, CÁCH TÍNH ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ,  
CHỈ TIÊU; TÀI LIỆU ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU**

(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTP ngày tháng năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

<b>Tiêu chí, chỉ tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm số tối đa</b>	<b>Tài liệu đánh giá*</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	<b>10</b>	
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao</b> <i>(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật, nghị quyết của Quốc hội giao được tính 03 điểm)</i>	<b>3</b>	
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao	1,5	- Luật, Nghị quyết của Quốc hội giao nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã
	- Ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1,5	- Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 được ban hành trong năm đánh giá.
	- Không ban hành từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá trở lên	0	

	<p>2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật</li> <li>- Có từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật trở lên được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc không đúng trình tự, thủ tục hoặc không đúng thời hạn hoặc có nội dung trái pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền xử lý</li> </ul>	<p>1,5</p> <p>1,5</p> <p>0</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ, tài liệu phục vụ xây dựng, lấy ý kiến các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành trong năm đánh giá.</li> <li>- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật (nếu có).</li> </ul>
<p><b>Chỉ tiêu 2</b></p>	<p><b>Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là văn bản hành chính)</b></p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i></p>	<p>7</p> <p>7</p> <p>6</p> <p>5</p> <p>4</p> <p>3</p> <p>2</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được ban hành trong năm đánh giá</li> <li>- Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản khác quy định về thẩm quyền, thời hạn ban hành các văn bản hành chính có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (nếu có).</li> <li>- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ, hủy bỏ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do có nội dung trái pháp luật; đơn khiếu nại, khiếu kiện, phản ánh của tổ chức, cá nhân (nếu có).</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100%</li> <li>- Đạt từ 95% đến dưới 100%</li> <li>- Đạt từ 90% đến dưới 95%</li> <li>- Đạt từ 85% đến dưới 90%</li> <li>- Đạt từ 80% đến dưới 85%</li> <li>- Đạt từ 75% đến dưới 80%</li> </ul>		

	- Đạt từ 70% đến dưới 75%	1	
	- Đạt dưới 70%	0	
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>30</b>	
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b>	<b>5</b>	
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1	- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ việc lập, phê duyệt, công khai, đăng tải hoặc niêm yết các Danh mục thông tin: các danh mục công khai thông tin được phê duyệt và các tài liệu minh chứng cho việc đăng tải thông tin (đường link trên công/trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài về công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin...)
	1.1. Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung công khai thông tin và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật	0,5	
	1.2. Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Công hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Công hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.	0,5	
	2. Công khai thông tin đúng thời hạn		
	$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ thông\ tin\ đã\ công\ khai\ đúng\ thời\ hạn / Tổng\ số\ thông\ tin\ phải\ được\ công\ khai) \times 100$	1	
	- Đạt 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 100%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	

	<p>3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100%</li> <li>- Đạt từ 80% đến dưới 100%</li> <li>- Đạt dưới 80%</li> </ul> <p>4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100%</li> <li>- Đạt từ 80% đến dưới 100%</li> <li>- Đạt dưới 80%</li> </ul>	<p>1</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>1</p>	
<p><b>Chỉ tiêu 2</b></p>	<p><b>Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin</b></p> <p>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)</p>	<p>5</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> <li>- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).</li> </ul>
	<p>1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/ Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100%</li> </ul>	<p>1,5</p> <p>1,5</p>	

	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
	2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ thông\ tin\ đã\ cung\ cấp\ chính\ xác,\ đầy\ đủ / Tổng\ số\ thông\ tin\ có\ yêu\ cầu\ đủ\ điều\ kiện\ cung\ cấp) \times 100$	2	
	- Đạt 100%	2	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
	3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ thông\ tin\ đã\ cung\ cấp\ đúng\ hình\ thức\ theo\ quy\ định\ pháp\ luật / Tổng\ số\ thông\ tin\ có\ yêu\ cầu\ đủ\ điều\ kiện\ cung\ cấp) \times 100$	1,5	
	- Đạt 100%	1,5	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	0,5	
	- Đạt dưới 80%	0	
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>8</b>	

<p>1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên</p>	<p>2</p>	<p>- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.</p> <p>- Kế hoạch, văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung, thời hạn ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).</p> <p>- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản, tài liệu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động của kế hoạch: Giấy mời tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, loa truyền thanh cơ sở, truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở, đường link về nội dung liên quan trên công/trang thông tin điện tử (nếu có)....</p>
<p>- Ban hành Kế hoạch trước ngày 30 tháng 01 hàng năm</p>	<p>2</p>	
<p>- Ban hành Kế hoạch sau ngày 30 tháng 01 hàng năm</p>	<p>1</p>	
<p>- Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên</p>	<p>0</p>	
<p>2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ các nội dung của chỉ tiêu 4 và chỉ tiêu 5 của tiêu chí này):</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</p>	<p>4</p>	
<p>- Đạt 100%</p>	<p>4</p>	
<p>- Đạt từ 90% đến dưới 100%</p>	<p>3</p>	
<p>- Đạt từ 80% đến dưới 90%</p>	<p>2</p>	
<p>- Đạt từ 70% đến dưới 80%</p>	<p>1</p>	
<p>- Đạt dưới 70%</p>	<p>0</p>	
<p>3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</p> <p>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế</p>		

	<p>hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</p> <p>- Đạt 100%</p> <p>- Đạt từ 90% đến dưới 100%</p> <p>- Đạt từ 80% đến dưới 90%</p> <p>- Đạt từ 70% đến dưới 80%</p> <p>- Đạt dưới 70%</p>			
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở</b>	<b>6</b>		<p>- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm của Ủy ban nhân dân cấp xã và các hồ sơ, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua các hình thức, mô hình phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo (nếu có).</p> <p>- Phiếu ý kiến đánh giá của đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, đại diện thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã về tính hiệu quả của các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật.</p> <p>- Bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở.</p> <p>- Kế hoạch tổ chức tập huấn, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn.</p>
	- Có từ ba (03) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	6		
	- Có hai (02) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	5		
	- Có một (01) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	4		
	- Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	0		
<b>Chỉ tiêu 5</b>	<b>Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo</b>	<b>3</b>		

	<p><b>đục pháp luật</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn.</li> <li>- Danh sách tuyên truyền viên pháp luật xác nhận tham dự.</li> <li>- Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100%</li> <li>- Đạt từ 80% đến dưới 100%</li> <li>- Đạt từ 80% đến dưới 90%</li> <li>- Đạt từ 70% đến dưới 80%</li> <li>- Đạt dưới 70%</li> </ul>	<p>3</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	
<p><b>Chỉ tiêu 6</b></p>	<p><b>Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</b></p>	<p>3</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật.</li> <li>- Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 3 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này</li> <li>- Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 3 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này</li> <li>- Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 60% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 3 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này</li> <li>- Không bố trí kinh phí hoặc có bố trí nhưng chỉ bảo đảm thực hiện được dưới 60% số nhiệm vụ quy định tại mục 3 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này</li> </ul>	<p>3</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>0</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm của Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> <li>- Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt.</li> </ul>
<p><b>Tiêu chí 3</b></p>	<p><b>Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý</b></p>	<p>15</p>	



<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải)</b> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được tính 06 điểm)</i>	<b>6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.</li> <li>- Hồ sơ, tài liệu thực hiện hòa giải; các văn bản hòa giải thành.</li> <li>- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.</li> <li>- Báo cáo của Tổ trưởng Tổ hòa giải về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải.</li> </ul>	
	1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở			3
	Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận, thực hiện hòa giải}) \times 100$			3
	- Đạt 100%			3
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%			2
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%			1
<b>Chỉ tiêu 2</b>	2. Các vụ, việc hòa giải thành	<b>4</b>		
	Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải}) \times 100$			3
	- Đạt 100%			3
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%			2
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%			1
- Đạt dưới 80%	0			
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo</b>	<b>4</b>		

	<b>đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở</b>		
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	0,5	Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền.
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng định mức quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng định mức quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100</i>	2	- Hồ sơ, tài liệu thực hiện chỉ kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên; danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
	- Đạt 100%	2	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1,5	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	0,5	
	- Đạt dưới 70%	0	
	3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc theo đúng định mức quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng định mức quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100</i>	1,5	
	- Đạt 100%	1,5	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	0,5	

	- Đạt dưới 80%	0	Giấy giới thiệu về trợ giúp pháp lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý</b>	<b>5</b>	
	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số công dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được thông tin, giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý và được giới thiệu đến Trung tâm hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số công dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trong các vụ, việc liên quan đến trợ giúp pháp lý) x 100</i>		
	<i>(Trong năm không phát sinh vụ, việc liên quan đến trợ giúp pháp lý được tính 05 điểm)</i>		
	- Đạt 100%		
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%		
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%		
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	2	
	- Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
	- Đạt dưới 70%	0	
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b>	<b>25</b>	
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân.</li> <li>- Giấy mời hoặc thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đã được phát trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên</li> </ul>
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2	
	- Tổ chức từ 02 hội nghị trở lên	2	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức ít nhất 01 hội nghị</li> <li>- Không tổ chức hội nghị</li> </ul> <p>2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo đúng thời hạn (chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị), đúng hình thức quy định (trên các phương tiện thông tin đại chúng và đến Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố)</li> <li>- Không thông báo hoặc có thông báo nhưng chưa đúng thời hạn, chưa đúng hình thức</li> </ul>	<p>1</p> <p>0</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p>	<p>công/trang thông tin điện tử; gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo cho Nhân dân.</p> <p>- Báo cáo hoặc biên bản về kết quả tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân; hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức hội nghị.</p>
<p><b>Chỉ tiêu 2</b></p>	<p><b>Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung thực tế trên địa bàn mà pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100</p>	<p>5</p> <p>5</p> <p>4</p> <p>3</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>0</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.</li> <li>- Giấy mời hoặc thông báo họp thôn, tổ dân phố (nếu có); biên bản của thôn, tổ dân phố về kết quả đã được Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.</li> <li>- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100%</li> <li>- Đạt từ 90% đến dưới 100%</li> <li>- Đạt từ 80% đến dưới 90%</li> <li>- Đạt từ 70% đến dưới 80%</li> <li>- Đạt từ 60% đến dưới 70%</li> <li>- Đạt dưới 60%</li> </ul>		

<b>Chỉ tiêu 3</b>	<p><b>Tổ chức đề Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết theo đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung thực tế trên địa bàn mà pháp luật quy định phải được Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết.</li> <li>- Giấy mời hoặc thông báo họp thôn, tổ dân phố (nếu có); biên bản của thôn, tổ dân phố về kết quả đã được Nhân dân bàn, biểu quyết.</li> <li>- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định.</li> </ul>
	<p>- Đạt 100%</p> <p>- Đạt từ 90% đến dưới 100%</p> <p>- Đạt từ 80% đến dưới 90%</p> <p>- Đạt từ 70% đến dưới 80%</p> <p>- Đạt từ 60% đến dưới 70%</p> <p>- Đạt dưới 60%</p>	5 4 3 2 1 0	
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<p><b>Tổ chức đề Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến theo đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo đúng quy định pháp luật/Tổng số nội dung thực tế trên địa bàn mà pháp luật quy định Nhân dân tham gia ý kiến) x 100</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định.</li> <li>- Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, giao nhiệm vụ lấy ý kiến Nhân dân (nếu có).</li> <li>- Bàn tổng hợp, tiếp thu ý kiến; thông báo kết quả tiếp thu, giải trình nếu có ý kiến khác với đa số ý kiến của Nhân dân;</li> <li>- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra</li> </ul>
	<p>- Đạt 100%</p> <p>- Đạt từ 90% đến dưới 100%</p>	5 4	

	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	3	lấy ý kiến Nhân dân.
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	2	
	- Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
	- Đạt dưới 60%	0	
<b>Chỉ tiêu 5</b>	<b>Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b>	7	
	1. Các nội dung để Nhân dân giám sát	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.</li> <li>- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân trên địa bàn.</li> <li>- Báo cáo của Mặt trận cấp xã về kết quả tiếp nhận, giải quyết kiến nghị của Nhân dân.</li> <li>- Các văn bản, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân hoặc hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.</li> </ul>
	- Tổ chức giám sát từ 5 nội dung trở lên	5	
	- Tổ chức giám sát từ 4 nội dung	4	
	- Tổ chức giám sát từ 3 nội dung	3	
	- Tổ chức giám sát từ 2 nội dung	2	
	- Tổ chức giám sát từ 1 nội dung	1	
	- Không tổ chức giám sát	0	
	2. Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm được giao để Nhân dân giám sát theo quy định	2	
	2.1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;	1	
2.2. Xử lý người có hành vi cản trở, trả thù, trù dập việc thực hiện giám sát của Nhân dân	1		

Tiêu chí 5	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	20	
Chi tiêu 1	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân.</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cán bộ, công chức làm công tác tiếp công.</li> </ul>
1. Tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định	1.1. Có nội quy tiếp công dân	0,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sổ tiếp công dân của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> </ul>
1.2. Có bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân	1.3. Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)	0,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.</li> </ul>
1.4. Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định	1	
<p>Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền trong năm đánh giá) x 100</p> <p>(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)</p>		2	
- Đạt 100%		2	

	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1,5	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	0,5	
	- Đạt dưới 70%	0	
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số khiếu nại, tố cáo đã tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền trong năm đánh giá) x 100 (Trong năm đánh giá không có có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)	2	
	- Đạt 100%	2	
	- Đạt từ 90% đến dưới 100%	1,5	
	- Đạt từ 80% đến dưới 90%	1	
	- Đạt từ 70% đến dưới 80%	0,5	
	- Đạt dưới 70%	0	
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính</b> Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính hợp lệ đã tiếp nhận trong năm đánh giá) x 100	<b>5</b>	Số theo theo dõi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc số liệu được trích xuất từ hệ thống thông tin một cửa điện tử (đối với những xã, phường, thị trấn đã vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử).
	- Đạt 100%	5	



	- Đạt từ 95% đến dưới 100%	4	
	- Đạt từ 90% đến dưới 95%	3	
	- Đạt từ 85% đến dưới 90%	2	
	- Đạt từ 80% đến dưới 85%	1	
	- Đạt dưới 80%	0	
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự</b>	<b>3</b>	
	- Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	3	
	- Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0	
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội</b>	<b>5</b>	
	- Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	5	
	- Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0	
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>100</b>	

\* Ghi chú: Trong quá trình đánh giá, công nhận, kiểm tra xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, công chức chuyên môn cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp các tài liệu quy định tại Phụ lục này theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



**Phụ lục II**  
**BIỂU MẪU VÀ HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU**  
**PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
**ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

*(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTP ngày tháng năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**I. Biểu mẫu phục vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

**1. Biểu mẫu phục vụ đánh giá, đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện**

a) Mẫu 01: Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
**(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả và đề nghị xem xét quyết định, công nhận xã**  
**(phường, thị trấn).... đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

**I. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

**1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện**

**2. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu**

**a) Đối với tiêu chí 1:**

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: ...../02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: ...../02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm: ...../02 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: ...../10 điểm.

**b) Đối với tiêu chí 2:**

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: ...../06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: ...../06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm: ...../06 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: ...../30 điểm.

**c) Đối với tiêu chí 3:**

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: ...../03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: ...../03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm: ...../03 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: ...../15 điểm.

**d) Đối với tiêu chí 4:**

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: ...../05 chỉ tiêu.

- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: ...../05 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm: ...../05 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: ...../25 điểm.

**d) Đối với tiêu chí 5:**

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: ...../04 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: ...../04 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt 0 điểm: ...../04 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: ...../20 điểm.

**3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

a) Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: ...../05 tiêu chí.

b) Tổng điểm số đạt được của các tiêu chí: ...../100 điểm (sau khi làm tròn).

c) Cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Nêu rõ có hoặc không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Nếu có, phải nêu rõ số lượng cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi vi phạm, hình thức kỷ luật, quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định khởi tố của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án (số, ngày tháng năm ký, người có thẩm quyền ký, ngày tháng năm có hiệu lực pháp luật).

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng được ...../03 điều kiện.

**II. Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp khắc phục**

- a) Thuận lợi
- b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
- c) Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục

**III. Mục tiêu, kế hoạch nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu**

1. Mục tiêu thực hiện

2. Những nội dung, tiêu chí, chỉ tiêu cần nâng cao chất lượng, đảm bảo thực chất kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**IV. Đề nghị xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (nếu đáp ứng đủ các điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật)**

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) .... kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã...)....., tỉnh..... xem xét, quyết định công nhận xã (phường, thị trấn) ..... đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm.....

*Kèm theo báo cáo này gồm có:*

1. Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;
2. Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;
3. Tài liệu liên quan khác (nếu có).

***Nơi nhận:***

- UBND huyện  
(quận, thị xã).....;
- .....
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

b) Mẫu 02: Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU**

<b>Tiêu chí, chỉ tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm số tối đa</b>	<b>Điểm số tự chấm</b>	<b>Tài liệu kèm theo</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn</b>	<b>10</b>		
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao</b>	<b>3</b>		
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản được giao	1,5		
	- Ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1,5		
	- Không ban hành từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá trở lên	0		
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản được giao (đúng thẩm quyền, nội dung, trình thủ, thủ tục, thời hạn)	1,5		
	- Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá được ban hành đúng nội dung, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật	1,5		
	- Có từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật trở lên được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc không đúng trình tự, thủ tục hoặc không đúng thời hạn hoặc có nội dung trái pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0		
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là văn bản hành chính)</b>	<b>7</b>		

	$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ văn\ bản\ hành\ chính\ đã\ ban\ hành\ đúng\ thẩm\ quyền,\ thời\ hạn\ và\ không\ bị\ cơ\ quan\ có\ thẩm\ quyền\ xử\ lý\ do\ có\ nội\ dung\ trái\ pháp\ luật/Tổng\ số\ văn\ bản\ đã\ ban\ hành\ trong\ năm\ đánh\ giá) \times 100$			
	- Đạt 100%	7		
	- Đạt từ 95% đến dưới 100%	6		
	- Đạt từ 90% đến dưới 95%	5		
	- Đạt từ 85% đến dưới 90%	4		
	- Đạt từ 80% đến dưới 85%	3		
	- Đạt từ 75% đến dưới 80%	2		
	- Đạt từ 70% đến dưới 75%	1		
	- Đạt dưới 70%	0		
<b>Tiêu chí 2</b>	.....	...		
.....	.....	...		
<b>Tiêu chí 3</b>	.....	...		
.....	.....	...		
<b>Tiêu chí 4</b>	.....	...		
.....	.....	...		
<b>Tiêu chí 5</b>	.....	...		
.....	.....	...		
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội</b>	<b>5</b>		
	1. Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	5		
	2. Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0		
<b>Tổng điểm*</b>				

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI THỰC HIỆN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh công chức)

\*Ghi chú: Nếu tổng điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên.

c) Mẫu 03: Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA NHÂN DÂN,  
KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ KẾT QUẢ  
ĐÁNH GIÁ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Trên cơ sở ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)... tổng hợp, tiếp thu, giải trình như sau:

STT	Nội dung ý kiến, kiến nghị, phản ánh	Họ, tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân	Tiếp thu/Không tiếp thu		Giải trình	Ghi chú
			Tiếp thu	Không tiếp thu		
1						
2						
3						
...						
...						

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI THỰC HIỆN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh công chức)



d) Mẫu 04: Phiếu lấy ý kiến và bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

### **PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ**

**Về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở**

STT	Tên hình thức, mô hình; nội dung ý kiến đánh giá	Ý kiến đánh giá		Ghi chú
		3	4	
1	2			5
1	<i>Hình thức, mô hình 1: .....</i>			
a	Đã được triển khai rộng khắp, duy trì thường xuyên, liên tục trên địa bàn	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
b	Có từ 90% trở lên tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận thông tin, văn bản, quy định pháp luật thông qua mô hình này	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
c	Có khả năng nhân rộng	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
2	<i>Hình thức, mô hình 2: .....</i>			
a	Đã được triển khai rộng khắp, duy trì thường xuyên, liên tục trên địa bàn	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
b	Có từ 90% trở lên tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận thông tin, văn bản, quy định pháp luật thông qua mô hình này	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
c	Có khả năng nhân rộng	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý	
...				

*Người đánh giá*  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Ghi chú:*

- Ủy ban nhân dân cấp xã điền tên hình thức, mô hình tại mục 1, mục 2 của cột 1.
- Đại diện Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, đại diện Ban công tác mặt trận, trường thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn cho ý kiến đánh giá vào các nội dung tại cột 3, cột 4.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

### BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở

1. Tổng số hình thức, mô hình đưa ra lấy ý kiến đánh giá: .....
2. Tổng số ý kiến đánh giá:.....
3. Kết quả tổng hợp:

STT	Tên hình thức, mô hình; nội dung ý kiến đánh giá	Kết quả đánh giá			
		Số ý kiến đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý	Số ý kiến không đồng ý	Tỷ lệ % không đồng ý
1	2	3	4	5	6
1	<i>Hình thức, mô hình 1: .....</i>				
a	Đã được triển khai rộng khắp, duy trì thường xuyên, liên tục trên địa bàn				
b	Có từ 90% trở lên tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận thông tin, văn bản, quy định pháp luật thông qua mô hình này				
c	Có khả năng nhân rộng				
2	<i>Hình thức, mô hình 2: .....</i>				
a	Đã được triển khai rộng khắp, duy trì thường xuyên, liên tục trên địa bàn				
b	Có từ 90% trở lên tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận thông tin, văn bản, quy định pháp luật thông qua mô hình này				
c	Có khả năng nhân rộng				
...					

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔNG HỢP  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ghi chú:*

- Tại cột 4, tỷ lệ % = Số ý kiến đồng ý tại cột 3/Tổng số ý kiến đánh giá x 100
- Tại cột 6, tỷ lệ % = Số ý kiến không đồng ý tại cột 5/Tổng số ý kiến đánh giá x 100

**3. Biểu mẫu phục vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện**

a) Mẫu 05: Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ,...)...  
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ**  
**CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU CỦA  
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN....**

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm số UBND xã, phường, thị trấn tự chấm	Điểm số thẩm định của Hội đồng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn</b>	<b>10</b>			
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao</b>	<b>3</b>			
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản được giao	1,5			
	- Ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1,5			
	- Không ban hành từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá trở lên	0			
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản được giao (đúng thẩm quyền, nội	1,5			

	dung, trình thủ, thủ tục, thời hạn)				
	- Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá được ban hành đúng nội dung, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật	1,5			
	- Có từ một (01) văn bản quy phạm pháp luật trở lên được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc không đúng trình tự, thủ tục hoặc không đúng thời hạn hoặc có nội dung trái pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0			
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là văn bản hành chính)</b> Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản đã ban hành trong năm đánh giá) x 100	7			
	- Đạt 100%	7			
	- Đạt từ 95% đến dưới 100%	6			
	- Đạt từ 90% đến dưới 95%	5			
	- Đạt từ 85% đến dưới 90%	4			
	- Đạt từ 80% đến dưới 85%	3			
	- Đạt từ 75% đến dưới 80%	2			
	- Đạt từ 70% đến dưới 75%	1			
	- Đạt dưới 70%	0			
<b>Tiêu chí 2</b>	.....	...			
.....	.....	...			
<b>Tiêu chí 3</b>	.....	...			
.....	.....	...			
<b>Tiêu chí 4</b>	.....	...			

.....	.....	...			
<b>Tiêu chí 5</b>	.....	...			
.....	.....	...			
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội</b>	<b>5</b>			
	1. Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	5			
	2. Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0			
<b>Tổng điểm</b>					

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI THỰC HIỆN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh  
công chức)

b) Mẫu 06: Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ,...)...  
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ  
CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

Số: .../BB-HĐTCPL

## **BIÊN BẢN**

### **Họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật**

Thời gian: ... giờ ... ngày...tháng...năm ...

Địa điểm:.....

Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã ...)..... tiến hành họp để thẩm định đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm ....

#### **I. Thành phần tham dự**

Hội đồng có.....thành viên tham dự (vắng ...), bao gồm:

- Đồng chí: ... Chủ trì cuộc họp;
- Đồng chí ...- Thư ký cuộc họp;
- Các Ủy viên: ....người.

#### **II. Nội dung cuộc họp**

##### **1. Các nội dung tư vấn, thẩm định của Hội đồng**

Hội đồng thảo luận, có ý kiến tư vấn, thẩm định về những nội dung sau:

- Kết quả tự đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của ..... xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình và Phòng Tư pháp tiếp nhận, tổng hợp;
- Đề xuất sáng kiến, giải pháp khắc phục hạn chế, tồn tại, duy trì bền vững xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.
- Các nội dung, vấn đề khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định.

**2. Ý kiến của thành viên Hội đồng** (ghi đầy đủ, cụ thể các ý kiến của thành viên Hội đồng tham dự họp và thành viên Hội đồng không tham gia dự họp)

##### **3. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng**

Căn cứ vào kết quả thảo luận của các thành viên Hội đồng và ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có), Chủ tịch Hội đồng có ý kiến:

- *Thể hiện ý kiến về các nội dung, vấn đề thuộc trách nhiệm của thành viên Hội đồng;*

- Giao Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và các tài liệu có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

#### **4. Kết quả tư vấn, thẩm định của Hội đồng**

Nêu rõ có ... thành viên/...tổng số thành viên Hội đồng nhất trí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ngày ... tháng ... năm....

Biên bản này được lập thành ... bản, gửi.... và lưu giữ tại...

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. HỘI ĐỒNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

c) Mẫu 07: Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ...)**....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

..., ngày...tháng...năm...

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận (xã phường, thị trấn) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm ....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ...)**....

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số /2021/TT-BTP ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm ... ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận..... xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện (quận, thị xã )....., tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)..... Đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm..... (có Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** .....

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

**Điều 4.** Trách nhiệm thi hành

**Nơi nhận:**

- Như Điều...;

- ....;

- Lưu: VT,...

**CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



d) Mẫu 08: Danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**DANH SÁCH**  
**XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã...))

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Xã X							
....								
<b>II</b>	<b>Các phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Phường Y							
....								
<b>III</b>	<b>Các thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Thị trấn M							
...								

Ghi chú:

(2): Xếp điểm theo thứ tự từ cao xuống thấp đối với các xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

(4), (5), (6), (7), (8): Điểm của các tiêu chí sau khi đã làm tròn.

đ) Mẫu 09: Danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**DANH SÁCH**  
**XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã...))

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Các xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Xã X							
....								
<b>II</b>	<b>Các phường chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Phường Y							
....								
<b>III</b>	<b>Các thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Thị trấn M							
...								

Ghi chú:

(2): Xếp điểm theo thứ tự từ cao xuống thấp đối với các xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

(4), (5), (6), (7), (8): Điểm của các tiêu chí sau khi đã làm tròn.

**3. Biểu mẫu phục vụ quản lý, theo dõi đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện**

a) Mẫu 10: Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn (file excel)

Mẫu 10: Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn

**I. Tổng hợp thông tin, số liệu các chỉ tiêu, nội dung xác định theo tỷ lệ % tại Phụ lục I**

STT	Địa phương	Tiêu chí 1					Tiêu chí 2					Tiêu chí 3					Tiêu chí 4				Tiêu chí 5			
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin khai đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai hình thức đúng	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch, biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % TTVPL được tập huấn, bồi dưỡng	Tỷ lệ % vụ, việc giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức quy định	Tỷ lệ % hòa giải đã giải quyết được hồ sơ	Tỷ lệ % công dân được thông tin về quyền và giới hạn	Tỷ lệ % nội dung ND để ND bàn, quyết định trực tiếp thực hiện	Tỷ lệ % nội dung ND để ND bàn, biểu quyết thực hiện	Tỷ lệ % nội dung để ND tham gia ý kiến thực hiện	Tỷ lệ % nội dung giám sát thực hiện	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % khiếu nại, tố cáo giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính giải quyết đúng quy định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
1	Tỉnh/ thành phố...																							
	Huyện...																							
	Xã...																							
	Thị trấn...																							
	Quận...																							
	Phường...																							
	Phường...																							
	....																							

Ghi chú:

TTVPL viết tắt tại cột 12 là tuyên truyền viên pháp luật

TGPL viết tắt tại cột 17 là trợ giúp pháp lý

ND viết tắt tại cột 18, cột 19, cột 20, cột 21 là Nhân dân



b) Mẫu 11: Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

Số: .../BC-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày...tháng...năm...

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

#### **I. Kết quả đạt được**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, thực hiện
2. Triển khai thông tin, truyền thông, tập huấn
3. Tổ chức kiểm tra, triển khai giải pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc
4. Bố trí nguồn lực thực hiện
5. Kết quả tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

#### **II. Thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân**

1. Thuận lợi
2. Khó khăn, hạn chế
3. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

#### **III. Kế hoạch thực hiện năm sau**

1. Mục tiêu thực hiện
2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

#### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

*Nơi nhận:*

- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

## II. Hướng dẫn nội dung của một số tiêu chí, chỉ tiêu

### 1. Đối với tiêu chí 1:

a) Chỉ tiêu 1: Văn bản quy phạm pháp luật bao gồm Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

b) Chỉ tiêu 2: Văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân là các văn bản do chính quyền cấp xã ban hành có liên quan đến một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân hoặc tất cả các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã, bao gồm:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn cấp xã trong một số lĩnh vực về kinh tế, đất đai, tài nguyên – môi trường, y tế, văn hóa, an sinh xã hội; dự toán, quyết toán ngân sách địa phương; chủ trương đầu tư chương trình, dự án của xã trong phạm vi được phân quyền.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng công an cấp xã; quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

### 2. Đối với tiêu chí 2:

a) Chỉ tiêu 1: Thông tin được công khai là các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tạo ra hoặc nắm giữ trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và các nội dung công khai tại Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

b) Chỉ tiêu 2: Thông tin được cung cấp theo yêu cầu là các thông tin quy định tại Điều 23 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tạo ra hoặc nắm giữ trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật mà công dân yêu cầu cung cấp thông qua Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

c) Chỉ tiêu 4: Hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở là hình thức, mô hình đáp ứng các điều kiện: (i) Được triển khai rộng khắp trên địa bàn cấp xã; duy trì thường xuyên, liên tục; (ii) Tỷ lệ tổ chức, cá nhân được tiếp cận pháp luật thông qua hình thức, mô hình này từ 90% trở lên; (iii) Có khả năng nhân rộng trên địa bàn và được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; đại diện các thôn, tổ dân phố trên địa bàn xác nhận.

### 3. Đối với tiêu chí 3:

- Chỉ tiêu 1: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở là các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

### 4. Đối với tiêu chí 4:

#### a) Chỉ tiêu 2:

- Nội dung đề Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp là các nội dung quy định tại Điều 10 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

- Hình thức đề Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp là các hình thức quy định tại Điều 11 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

#### b) Chỉ tiêu 3:

- Nội dung đề Nhân dân bàn, biểu quyết là các nội dung được quy định tại Điều 13 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007

- Hình thức đề Nhân dân bàn, biểu quyết là các hình thức quy định tại Điều 14 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

#### c) Chỉ tiêu 4:

- Nội dung đề Nhân dân tham gia ý kiến là các nội dung quy định tại Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

- Hình thức đề Nhân dân tham gia ý kiến là các hình thức quy định tại Điều 20 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

#### d) Chỉ tiêu 5:

- Nội dung đề Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát là các nội dung quy định tại Điều 23 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

- Hình thức đề Nhân dân thực hiện giám sát là các hình thức quy định tại Điều 24 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.

### 5. Đối với tiêu chí 5:

a) Chỉ tiêu 1: Tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Luật Tiếp công dân năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018.

#### b) Chỉ tiêu 3:

- Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính là trường hợp trong năm đánh giá cán bộ, công chức bị cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định kỷ luật hành chính do có hành vi vi phạm theo quy định của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

- Cán bộ, công chức cấp xã bị truy cứu trách nhiệm hình sự là trường hợp trong năm đánh giá, cán bộ, công chức bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định

khởi tố bị can vì có hành vi phạm tội theo quy định Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trường hợp trong năm đã có bản án tuyên bố vô tội của Tòa án hoặc quyết định đình chỉ vụ án của cơ quan có thẩm quyền thì không tính là bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ tiêu 4: Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh, trật tự” là xã, phường, thị trấn được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.